

Số: /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định về lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo là đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Điều 4 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 263/2025/NĐ-CP). Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Điều lệ tổ chức và hoạt động đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung (sau đây viết tắt là Nghị định số 262/2025/NĐ-CP).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng cho lập dự toán chi thường xuyên

ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Ưu tiên kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Quyết định số 2813/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập giai đoạn 2025 - 2030” và các quyết định khác có liên quan.

2. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm). Mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ ổn định tiếp theo được xác định theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ:

a) Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập do cấp có thẩm quyền quy định; năng lực nhân lực, cơ sở vật chất, lĩnh vực chuyên môn của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Trong khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước và phạm vi dự toán được giao của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến, dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện các hoạt động đó và kết quả đầu ra dự kiến do cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định;

d) Theo nguyên tắc, cách thức lập và phân bổ chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

đ) Đối với các nguồn thu, nhiệm vụ chi của các hoạt động khác ngoài chức năng, nhiệm vụ chính phát sinh không thường xuyên hằng năm thì không tính vào

nguồn thu, nhiệm vụ chi khi xây dựng phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Thông tư này và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các bộ, cơ quan trung ương) quy định nội dung và các mức chi để lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan trung ương.

5. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi để lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Chương II

LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỐ, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN CHO TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Điều 4. Lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:

1. Lập dự toán chi lương và các khoản đóng góp có tính chất lương:

a) Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW), việc lập dự toán lương và các khoản đóng góp có tính chất lương căn cứ:

a1) Số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền;

a2) Áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, việc lập dự toán lương và các khoản đóng góp có tính chất lương căn cứ:

b1) Số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền;

b2) Bảng lương chức vụ, bảng lương chuyên môn nghiệp vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của Nhà nước.

2. Lập dự toán chi hoạt động bộ máy được lập trên cơ sở định mức chi hoạt động thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành và số lượng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ duy trì và vận hành cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ:

a) Danh mục và nội dung nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng do tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng, được cơ quan chủ quản phê duyệt giao nhiệm vụ;

b) Các định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ, ngành quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành. Trường hợp nội dung chi nào chưa có định mức thì cần thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán.

4. Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên khác theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:

a) Chi đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;

b) Chi nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.

5. Lập dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau:

a) Xác định tổng số kinh phí ngân sách nhà nước bố trí trong năm ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới cơ sở chuyển tiếp;

b) Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới do tổ chức khoa học và công nghệ chủ động xây dựng, thực hiện như sau:

b1) Phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức do cấp có thẩm quyền quy định; năng lực nhân lực, cơ sở vật chất, lĩnh vực chuyên môn và trong phạm vi dự toán được giao của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b2) Việc lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được thực hiện theo nguyên tắc không trùng lặp với khối lượng nội dung hoạt động dự kiến, dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện và kết quả đạt được dự kiến của các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b3) Việc xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được thực hiện theo biểu mẫu BM-10 quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn liên quan;

b4) Số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới do tổ chức khoa học và công nghệ công lập đề xuất và được cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ rà soát và cho ý kiến;

b5) Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được xác định bằng: Tổng số kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm trong 03 năm trước liền kề chia cho tổng số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới hằng năm trong 03 năm trước liền kề.

Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được điều chỉnh bổ sung (nếu có) tương ứng khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát do cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định. Việc điều chỉnh bổ sung nêu trên được tính theo số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới phù hợp tương ứng.

b6) Đối với từng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở, định mức chi ngân sách nhà nước áp dụng để lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cho chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Xây dựng và phê duyệt phương án tự chủ tài chính cho phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau:

a) Kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: lương và các khoản đóng góp có tính chất lương; hoạt động bộ máy; chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở; chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 35

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Điều 5. Xác định và lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phân kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Cách thức xác định và lập dự toán kinh phí bổ sung (nếu có) thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Việc quản lý sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11 và điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP.

3. Việc quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

4. Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập sử dụng ngân sách nhà nước có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để bảo đảm hoàn thành các kết quả đầu ra theo dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, việc đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Căn cứ quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm) 2026-2030 như sau:

a) Đối với năm 2026 là năm đầu thời kỳ ổn định, việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo quy định tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

b) Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập hằng năm tiếp theo của thời kỳ ổn định (từ năm 2027 đến năm 2030) được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Đối với giai đoạn từ năm 2027 đến năm 2029, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được xác định bằng: Tổng số kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mở mới và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm trong 03

năm trước liền kề chia cho tổng số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mở mới và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới hằng năm trong 03 năm trước liền kề.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Dự thảo

PHỤ LỤC

MẪU BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN TƯ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN TƯ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN.....

(Dùng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị;

Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên giao chỉ tiêu biên chế (nếu có);

Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt khối lượng nội dung hoạt động dự kiến và dự trù kinh phí dự kiến của năm..., chi tiết từng hoạt động dự kiến.

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước

(áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được giao quyền tự chủ tài chính, trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập mới thành lập thì không phải đánh giá).

1. Về chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng. Trong đó nêu rõ nhiệm vụ theo lĩnh vực hoạt động; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; số biên chế viên chức được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng lương ngân sách nhà nước hiện đang có mặt tại thời điểm lập dự toán.

2. Về nội dung khối lượng công việc được giao và kinh phí, kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện.

Tình hình thực hiện nội dung khối lượng công việc hoàn thành và kết quả các công việc đã hoàn thành: Chi tiết từng công việc.

Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Điều 49 của Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước.

- Về nguồn thu hoạt động sự nghiệp; nguồn thu phí được để lại tổ chức khoa học và công nghệ công lập để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí : nêu cụ thể; thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: nêu cụ thể.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy định khác (nếu có).

4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ.

- Thu, chi hoạt động sự nghiệp; phí được để lại tổ chức khoa học và công nghệ công lập để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí: Số thu; số chi; chênh lệch thu, chi.

- Kinh phí NSNN cấp:

+ Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên tự chủ: Dự toán giao; số thực hiện; số kinh phí tiết kiệm được.

+ Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ).

5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên (nêu nguyên tắc phân phối đảm bảo phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị), trong đó:

- a) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
 - b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập;
 - c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;
 - d) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
 - đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
6. Thu nhập tăng thêm của người lao động (nêu nguyên tắc).
7. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

Phần thứ hai

Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn tiếp theo

I. Khái quát chung về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo (báo cáo về sự thay đổi so với giai đoạn trước)

II. Xác định phương án tự chủ tài chính:

1. Khái quát về nguồn tài chính và chi thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

a) Về nguồn thu: Trong đó nêu chi tiết các khoản thu sự nghiệp theo quy định.

b) Về chi thường xuyên: Trong đó chi tiết các nội dung chi theo quy định.

2. Về phân phối kết quả tài chính của các năm trước liền kề và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định.

3. Xác định số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập:

Căn cứ vào nguồn tài chính, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2026/TT-BKH-CN.

(Biểu số liệu kèm theo)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu mẫu báo cáo số 1 kèm theo Phụ lục
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....**

(Dùng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng phương án tự chủ tài chính, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
I	Nguồn tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập							
1	Nguồn NSNN cấp phân kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, gồm:							
1.1	Lương và các khoản đóng góp có tính chất lương							
1.2	Hoạt động bộ máy							
1.3	Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức							
1.4	Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	khác theo chức năng của tổ chức							
1.5	Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở							
2	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp							
2.1	Thu từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo							
2.2	Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo							
2.3	Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật							
2.4	Thu từ cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật							
3	Nguồn thu phí được để lại tổ chức khoa học và công nghệ công lập để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.							
4	Nguồn vốn vay; vốn viện trợ; tài trợ theo quy định của pháp luật.							
5	Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có)							
II	Chi thường xuyên giao tự chủ							
1	Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	lương, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập							
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập							
3	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý							
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí							
5	Chi thực hiện các hoạt động dịch vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh; chi thực hiện							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	liên doanh, liên kết.							
6	Chi thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước							
7	Trích lập các khoản dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức (nếu có).							
8	Chi trả lãi tiền vay							
9	Chi thường xuyên khác (nếu có)							
III	Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên¹							

¹ Mục III Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
1	Nguồn NSNN cấp kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (A)							
2	Nguồn NSNN cấp kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (B)							
IV	Phân phối kết quả tài chính trong năm							
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp							
	- Từ chênh lệch thu chi thường xuyên							
	- Từ trích khấu hao tài sản cố định							
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi							
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)							
V	Thu nhập tăng thêm bình quân của đơn vị							
1	Dưới 01 lần quỹ tiền lương							
2	Từ 1 lần đến 2 lần quỹ tiền lương							
3	Từ trên 2 lần đến 3 lần quỹ tiền lương							
4	Từ trên 3 lần quỹ tiền lương							
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của đơn vị (triệu đồng/tháng)							
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của đơn							

TT	Nội dung vị (triệu đồng/tháng)	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
VI	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)							

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư Quy định về lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KHTC ngày tháng năm 2026 của Vụ Kế hoạch – Tài chính)

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo trong các văn bản sau đây:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: “Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo”;

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: “Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số”;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra mục tiêu: “Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%”; trên cơ sở đó đề ra nhiệm vụ: “Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả.

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn;”;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: “Tập

trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa...) để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới.”

- Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" đã nêu quan điểm *“Thực hiện hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực”* và đặt ra nhiệm vụ đề tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: *“Khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ;”*

- Tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định: *“4. Trường hợp các ngành, lĩnh vực có đặc thù riêng, các bộ, cơ quan trung ương căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành quy định bổ sung về cơ chế tự chủ đặc thù của ngành, lĩnh vực.”*; tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: *“4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định này.”*

- Ngày 14/10/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó khoản 21 Điều 6 quy định: *“Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và mức chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”*, Điều 36 quy định: *“Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này”*.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo số liệu báo cáo, đến năm 2022, mạng lưới tổ chức KH&CN công lập gồm 477 tổ chức¹, bao gồm: 301 tổ chức trực thuộc Bộ, ngành, các Đại học Quốc gia, các tổng cục, học viện và các đơn vị tương đương; 170 tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân cấp tỉnh²; 07 tổ chức trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Phân loại theo lĩnh vực hoạt động: Các tổ chức KH&CN công lập thuộc các bộ, ngành hoạt động trong lĩnh vực lần lượt như sau: khoa học kỹ thuật và công nghệ (38,9%), khoa học nông nghiệp (chiếm 32,7%), khoa học tự nhiên (19,9%), khoa học y dược (6,8%) và khoa học xã hội và khoa học nhân văn (1,78%). Ở khu vực địa phương, lĩnh vực hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập cùng thứ tự tương tự như ở khu vực bộ, ngành, các tổ chức KH&CN

¹ không bao gồm các tổ chức KH&CN công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các tổ chức chính trị xã hội, thuộc các cơ sở giáo dục đại học

² trong đó có 127 tổ chức KH&CN thuộc các Sở KH&CN, 21 tổ chức KH&CN thuộc 02 đại học Vùng (Đại học Thái Nguyên và Đại học Huế) và 22 tổ chức trực thuộc UBND cấp tỉnh hoặc trực thuộc các Sở, ngành khác.

công lập chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: khoa học kỹ thuật và công nghệ (chiếm 72,8%), khoa học nông nghiệp (chiếm 17,6%), khoa học xã hội (chiếm 7,4%), khoa học tự nhiên (chiếm 3,7%), rất ít tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học nhân văn, và trong lĩnh vực y dược.

Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ: Ở địa phương, hơn 70% các tổ chức KH&CN công lập có chức năng, nhiệm vụ chính là phục vụ quản lý nhà nước (chiếm 36%) và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (chiếm 43,4%), chức năng phục vụ công ích của nhà nước chỉ chiếm 25%. Ở khu vực các tổ chức KH&CN công lập thuộc các bộ, ngành thì tỷ lệ này đã có sự khác biệt, một nửa có chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước (26,8%) và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (18,1%), một nửa số tổ chức có chức năng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công ích (55,1%). Khu vực các tổ chức KH&CN thuộc doanh nghiệp nhà nước thì tỷ lệ các tổ chức cung cấp dịch vụ công ích đã lên đến 100%.

Phân loại theo mức độ tự chủ tài chính: Ở các bộ, ngành, 89% các tổ chức KH&CN công lập ở mức độ chưa tự chủ về tài chính (56,7% tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 32,4% do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên), 6% tổng số các tổ chức KH&CN công lập tự chủ chi thường xuyên, tỷ lệ tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư chỉ chiếm 3,9%. Ở địa phương, mức độ tự chủ về tài chính của các tổ chức KH&CN công lập như sau: 9 tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (chiếm 6,8%), 36 tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên (chiếm 27%), 61 tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (chiếm 45,9%), 14 tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (chiếm 10,3%) và 13 tổ chức chưa được phân loại tự chủ (chiếm 9,8%). Các tổ chức KH&CN công lập thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đều đã tự chủ, trong đó 50% các tổ chức tự chủ chi thường xuyên và 50% tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

Tại Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đặt ra mục tiêu: *“Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập có cơ cấu hợp lý theo định hướng ưu tiên phát triển của quốc gia, ngành và lĩnh vực, nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập, tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, làm nền tảng để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.”* và *“Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập, thực hiện giảm đầu mỗi hợp lý song song với hình thành tổ chức KH&CN mới phù hợp với xu thế phát triển KH&CN của thế giới và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đến năm 2025, phấn đấu giảm 10% đầu mỗi các tổ chức KH&CN công lập so với thời kỳ 2016 - 2020. Đến năm 2030, bảo đảm giảm 20% đầu mỗi các tổ chức KH&CN công lập so với thời kỳ 2016 - 2020.”*; *“Nâng cao năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN theo hướng tiếp cận với chuẩn quốc tế. Năm 2025, có khoảng 25 - 30 tổ chức KH&CN công lập được xếp hạng khu vực và thế giới. Đến năm 2030, có khoảng 40 - 50 tổ chức KH&CN công lập được xếp hạng khu vực và thế giới.”*

Đồng thời, Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ cũng đề ra các giải pháp: *“a) Hoàn thiện chính sách đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.*

b) Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách từng bước chuyển tổ chức KH&CN công lập hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản về trực thuộc các trường đại học, học viện để thúc đẩy gắn kết nghiên cứu với đào tạo; chuyển tổ chức KH&CN công lập hoạt động nghiên cứu ứng dụng mà sản phẩm khoa học có khả năng thương mại hoá về trực thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty.”

Tại Quyết định số 2813/QĐ-TTg ngày 27/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập giai đoạn 2025 - 2030” đã nêu quan điểm: “*Lấy kết quả và hiệu quả hoạt động của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập làm cơ sở ưu tiên triển khai nâng cao năng lực. Việc triển khai nâng cao năng lực dựa trên: kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khả năng tiếp nhận, triển khai đầu tư hiệu quả; mức độ kết nối với doanh nghiệp, địa phương, đối tác quốc tế; năng lực thương mại hóa, chuyển giao công nghệ và tư vấn chính sách.*”

Tập trung triển khai nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng có thể mạnh trong các lĩnh vực then chốt, công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược; đồng thời chú trọng triển khai nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn có năng lực tư vấn chính sách, đề xuất giải pháp phát triển bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế quốc gia.”

Quyết định số 2813/QĐ-TTg ngày 27/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ cũng đặt ra các mục tiêu cụ thể: “*Đến năm 2030, phát triển được một số tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, ngang tầm khu vực và thế giới trong một số lĩnh vực:*

- Phát triển được 05 tổ chức nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực Toán học, Vật lý, Sinh học, Khoa học Vật liệu, Khoa học Trái đất nằm trong nhóm 30% tổ chức được xếp hạng cao nhất theo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín như SCImago Institutions Rankings (SIR) hoặc tương đương.

- Phát triển được 07 -10 tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật và công nghệ nằm trong nhóm 30% tổ chức được xếp hạng cao nhất theo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín như SIR hoặc tương đương, đảm nhận được vai trò dẫn dắt trong nghiên cứu phục vụ phát triển công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược.

- Phát triển được 04 tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn xuất sắc, giữ vai trò chủ chốt, làm nòng cốt cho việc nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Trong đó có ít nhất 01 tổ chức được đánh giá ngang tầm khu vực và thế giới.”

3. Mục đích ban hành và quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

a) Mục đích ban hành:

- Thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST).

- Đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành.

- Nâng cao năng lực của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tới ngưỡng; lấy kết quả và hiệu quả hoạt động của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập làm cơ sở ưu tiên triển khai nâng cao năng lực.

b) Quan điểm xây dựng:

a) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, cũng như các chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH,CN&ĐMST, nâng cao tính minh bạch, chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

c) Khắc phục được tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định hiện hành về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

4. Rà soát sự đồng bộ thống nhất với hệ thống các văn bản QPPL:

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định việc lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP).</p>	<p>Việc xác định tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật KH,CN&ĐMST như sau: “<i>Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:</i> <i>1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trừ cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện và các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện này;</i>” Nội dung chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 Luật KH,CN&ĐMST như sau: “<i>d) Chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;</i>” Hằng năm, NSNN hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động thường xuyên của tổ chức KH&CN công lập dựa trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật KH,CN&ĐMST quy định: “<i>đ) Lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện hằng năm, trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức. Việc lập dự toán giai đoạn tiếp theo được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức trong giai đoạn trước liền kề. Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;</i>”</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
	<p>Tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định: “4. Trường hợp các ngành, lĩnh vực có đặc thù riêng, các bộ, cơ quan trung ương căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành quy định bổ sung về cơ chế tự chủ đặc thù của ngành, lĩnh vực.”</p> <p>Nghị định số 265/2025/NĐ-CP đã quy định tại khoản 21 Điều 6 như sau: “Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và mức chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”, Điều 36 quy định: “Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này”.</p>
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.</p> <p>2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo là đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Điều 4 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 263/2025/NĐ-CP). Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Điều lệ tổ chức và hoạt động đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh</p>	<p>Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Luật KH,CN&ĐMST quy định về hình thức của tổ chức KH&CN công lập: “a) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm và hình thức khác do Chính phủ quy định;”</p> <p>Tại khoản 1 Điều 45 Luật KH,CN&ĐMST quy định: “1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập là tổ chức khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý.”</p> <p>Tại khoản 1 Điều 48 Luật KH,CN&ĐMST quy định về đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: “1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trừ cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện và các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện này;”</p> <p>Điều 4 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định Đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.</p> <p>Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP quy định: “a) Tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm viện hàn lâm, viện</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung (sau đây viết tắt là Nghị định số 262/2025/NĐ-CP).</p>	<p><i>ngiên cứu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức wom tạo công nghệ, sàn giao dịch khoa học và công nghệ, trung tâm chuyên giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức đánh giá, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định công nghệ và các hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định;”</i></p> <p>Việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP: “1. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.”</p> <p>Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP quy định: “a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động quy định rõ: tên gọi, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, phương thức quản lý và điều hành, điều kiện chia, tách, sáp nhập, giải thể và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;”</p> <p>Việc đánh giá tổ chức KH&CN công lập có thực hiện một hoặc nhiều chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP gồm: “a) Nghiên cứu cơ bản; b) Nghiên cứu ứng dụng; c) Phát triển công nghệ; d) Nghiên cứu chính sách - xã hội.”</p>
<p>Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập</p> <p>1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng cho lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Ưu tiên kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Quyết định số</p>	<p>Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa 12 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập quy định đến năm 2030: “Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.”</p> <p>Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định việc phân loại mức độ tự chủ tài chính theo phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: “1. “Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công” là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>2813/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập giai đoạn 2025 - 2030” và các quyết định khác có liên quan.</p> <p>2. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm). Mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ ổn định tiếp theo được xác định theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>3. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ:</p> <p>a) Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập do cấp có thẩm quyền quy định; năng lực nhân lực, cơ sở vật chất, lĩnh vực chuyên môn của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;</p> <p>b) Trong khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước và phạm vi dự toán được giao của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;</p> <p>c) Trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến, dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện các hoạt động đó và kết quả đầu ra dự kiến do cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định;</p> <p>d) Theo nguyên tắc, cách thức lập và phân bổ chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.</p> <p>đ) Đối với các nguồn thu, nhiệm vụ chi của các hoạt động khác ngoài chức năng, nhiệm vụ chính phát sinh không thường xuyên hằng năm thì không tính vào nguồn thu, nhiệm vụ chi khi xây dựng phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.</p> <p>4. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Thông tư này và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các bộ, cơ quan trung ương) quy định nội dung và các mức chi để lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và</p>	<p>hiện quy định về danh mục sự nghiệp công; giá, phí và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; phân loại mức độ tự chủ tài chính; tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.”; khoản 1 Điều 35 quy định: “1. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định; dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (đơn vị dự toán cấp I). Nội dung của phương án tự chủ tài chính cần xác định rõ mức độ tự chủ tài chính theo 04 nhóm đơn vị quy định tại Nghị định này.”; khoản 3 Điều 32 quy định về lập dự toán như sau: “3. Đối với đơn vị nhóm 4: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ chi tiêu hiện hành, đơn vị lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên.”</p> <p>Điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định: “a) Chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:</p> <p>a1) Lương và các khoản đóng góp có tính chất lương;</p> <p>a2) Hoạt động bộ máy;</p> <p>a3) Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở;</p> <p>a4) Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức bao gồm cả chi đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ; chi nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở;</p> <p>a5) Kinh phí bổ sung (nếu có) dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 9 của Nghị định này;”</p> <p>Điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định: “c) Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên căn cứ trên cơ sở</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan trung ương.</p> <p>5. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi để lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.</p>	<p><i>khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức. Nội dung nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 7 Điều 6 của Nghị định này.</i></p> <p><i>Việc lập dự toán của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.</i></p> <p><i>Dự toán kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”</i></p> <p><i>Điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định về nguyên tắc lập và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau: “b) Bảo đảm phù hợp với quy mô, nhiệm vụ, năng lực thực hiện và kết quả đầu ra của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; kết hợp giữa kinh phí cố định và kinh phí bổ sung theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;</i></p> <p><i>c) Việc lập dự toán chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập là kinh phí thường xuyên giao tự chủ được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm). Dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập cho thời kỳ ổn định (05 năm) tiếp theo bao gồm: số kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và số kinh phí bổ sung theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn ổn định ngân sách liền kề;” và được xác định theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 9 như sau: “a) Kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: lương và các khoản đóng góp có tính chất lương; hoạt động bộ máy; chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở; chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức, được thực hiện tự chủ theo phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;</i></p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
	<p><i>b) Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: tối đa bằng 10% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thuộc kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản này thời kỳ ổn định liền kề. Số kinh phí bổ sung được xác định căn cứ theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong thời kỳ ổn định liền kề của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tính theo quy định tại khoản 3 của Điều này;”</i></p> <p>Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đặt ra mục tiêu về kiện toàn, sắp xếp và phát triển tổ chức KH&CN công lập.</p> <p>Quyết định số 2813/QĐ-TTg ngày 27/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập giai đoạn 2025 - 2030”.</p>
<p>Điều 4. Lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập Lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: 1. Lập dự toán chi lương và các khoản đóng góp có tính chất lương: a) Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW), việc lập dự toán lương và các khoản đóng góp có tính chất lương căn cứ: số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; b) Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, việc lập dự toán lương và các khoản đóng</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định về phương án tự chủ tài chính: “1. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định; dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (đơn vị dự toán cấp I). Nội dung của phương án tự chủ tài chính cần xác định rõ mức độ tự chủ tài chính theo 04 nhóm đơn vị quy định tại Nghị định này.”; việc xác định mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên quy định tại khoản 3 Điều 10 như sau: “3. Đối với đơn vị sự nghiệp công được giao thực hiện nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực khác nhau: việc xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị được xác định trên cơ sở nguồn thu, nhiệm vụ chi của các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ chính được cấp có thẩm quyền giao có tính chất</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>góp có tính chất lương căn cứ: số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; bảng lương chức vụ, bảng lương chuyên môn nghiệp vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của Nhà nước.</p> <p>2. Lập dự toán chi hoạt động bộ máy được lập trên cơ sở định mức chi hoạt động thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành và số lượng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao theo Quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>3. Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ duy trì và vận hành cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ:</p> <p>a) Danh mục và nội dung nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng do tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng, được cơ quan chủ quản phê duyệt giao nhiệm vụ;</p> <p>b) Các định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ, ngành quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành. Trường hợp nội dung chi nào chưa có định mức thì cần thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán.</p> <p>4. Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên khác theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:</p> <p>a) Chi đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;</p> <p>b) Chi nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>5. Lập dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau:</p> <p>a) Xác định tổng số kinh phí ngân sách nhà nước bố trí trong năm ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới cơ sở chuyển tiếp;</p> <p>b) Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới do tổ chức khoa học và công nghệ chủ động xây dựng, thực hiện như sau:</p>	<p><i>thường xuyên, ổn định hằng năm. Đối với các nguồn thu, nhiệm vụ chi của các hoạt động khác ngoài chức năng, nhiệm vụ chính phát sinh không thường xuyên hằng năm thì không tính vào nguồn thu, nhiệm vụ chi khi xây dựng phương án tự chủ tài chính.”; về lập và phương án tự chủ tài chính quy định tại Điều 35 như sau:</i></p> <p><i>“1. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định; dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (đơn vị dự toán cấp I). Nội dung của phương án tự chủ tài chính cần xác định rõ mức độ tự chủ tài chính theo 04 nhóm đơn vị quy định tại Nghị định này.</i></p> <p><i>Năm cuối của mỗi thời kỳ ổn định, các đơn vị báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của thời kỳ trước, nhiệm vụ của năm kế hoạch và thời kỳ tiếp theo để xây dựng phương án tự chủ của thời kỳ ổn định tiếp theo, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét trước ngày 31 tháng 3.</i></p> <p><i>2. Đối với đơn vị sự nghiệp công có đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i></p> <p><i>a) Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ tài chính báo cáo đơn vị sự nghiệp công cấp trên trực tiếp phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công cấp trên;</i></p> <p><i>b) Đơn vị sự nghiệp công cấp trên xây dựng phương án tự chủ tài chính của đơn vị (không bao gồm phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công trực thuộc đã quy định tại điểm a khoản này) gửi cơ quan quản lý cấp trên;</i></p> <p><i>c) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công trực thuộc được xác định là đơn vị nhóm 3 hoặc nhóm 4, cơ quan quản lý cấp trên cần lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp để làm cơ sở giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>3. Căn cứ phương án tự chủ tài chính do các đơn vị sự nghiệp công đề xuất (không bao gồm phương án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tại điểm a khoản 2 Điều này), cơ quan quản lý cấp trên xem xét, thẩm tra dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định kinh</i></p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>b1) Phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức do cấp có thẩm quyền quy định; năng lực nhân lực, cơ sở vật chất, lĩnh vực chuyên môn và trong phạm vi dự toán được giao của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;</p> <p>b2) Việc lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được thực hiện theo nguyên tắc không trùng lặp với khối lượng nội dung hoạt động dự kiến, dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện và kết quả đạt được dự kiến của các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;</p> <p>b3) Việc xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được thực hiện theo biểu mẫu BM-10 quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn liên quan;</p> <p>b4) Số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới do tổ chức khoa học và công nghệ công lập đề xuất và được cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ rà soát và cho ý kiến;</p> <p>b5) Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được xác định bằng: Tổng số kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm trong 03 năm trước liền kề chia cho tổng số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới hằng năm trong 03 năm trước liền kề.</p> <p>Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được điều chỉnh bổ sung (nếu có) tương ứng khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát do cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định. Việc điều chỉnh</p>	<p><i>phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại chi; kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp tại thời điểm thẩm định phương án tự chủ tài chính xác định được kinh phí đặt hàng cho đơn vị); dự kiến phân loại các đơn vị trực thuộc theo mức độ tự chủ tài chính, tổng hợp phương án phân loại và dự toán thu, chi của các đơn vị sự nghiệp công, có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp (Bộ Tài chính, cơ quan tài chính ở địa phương theo phân cấp, riêng đối với các quận thực hiện mô hình chính quyền đô thị là cơ quan chuyên môn quản lý tài chính của quận) xem xét, có ý kiến trước ngày 20 tháng 6 của năm cuối thời kỳ ổn định. Sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp, trước ngày 30 tháng 7 của năm cuối thời kỳ ổn định, cơ quan quản lý cấp trên xác định phân loại đơn vị và ra quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; mức hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại chi; kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (nếu có) cho các đơn vị theo phương án tự chủ tài chính năm đầu thời kỳ ổn định.</i></p> <p><i>4. Sau mỗi thời kỳ ổn định (05 năm), các bộ, cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm 3 (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) theo lộ trình, hằng năm thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc (sau khi trừ các khoản chi tính tăng, giảm so với dự toán năm trước (nếu có) do thay đổi nhiệm vụ, số lượng người làm việc)."</i></p> <p>Điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định: “a) Chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:</p> <p>a1) Lương và các khoản đóng góp có tính chất lương;</p> <p>a2) Hoạt động bộ máy;</p> <p>a3) Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở;</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>bổ sung nêu trên được tính theo số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới phù hợp tương ứng.</p> <p>b6) Đối với từng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở, định mức chi ngân sách nhà nước áp dụng để lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cho chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>6. Xây dựng và phê duyệt phương án tự chủ tài chính cho phân kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau:</p> <p>a) Kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: lương và các khoản đóng góp có tính chất lương; hoạt động bộ máy; chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở; chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;</p> <p>b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025.</p>	<p>a4) Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức bao gồm cả chi đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ; chi nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở;</p> <p>a5) Kinh phí bổ sung (nếu có) dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 9 của Nghị định này;”</p> <p>Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật KH,CN&ĐMST quy định: “c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động xây dựng, thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 của Luật này hoặc nguồn kinh phí tự chủ khác.”</p> <p>Tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định: “4. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:</p> <p>a) Đối với các nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn địa phương của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và khả năng tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định mức chi theo quy định trong Quy chế hoạt động nội bộ;</p> <p>b) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng mức chi phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị, quy định trong Quy chế hoạt động nội bộ. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.”</p> <p>Việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
	<p>sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>Quy định về xác định số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p>
<p>Điều 5. Xác định và lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập</p> <p>1. Đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan;</p> <p>2. Cách thức xác định và lập dự toán kinh phí bổ sung (nếu có) thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP: “3. <i>Kinh phí bổ sung (nếu có) của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tính trên cơ sở số điểm đánh giá đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo đánh giá kết quả hoạt động quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung. Số điểm đánh giá của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tối đa là 100 điểm. Mức chi ngân sách nhà nước cho kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy đổi căn cứ theo số điểm đánh giá đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong kỳ đánh giá giai đoạn trước liền kề như sau:</i></p> <p><i>a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt từ 80-100 điểm: ngân sách nhà nước đảm bảo phân bổ bằng 100% kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và cộng thêm kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định tương ứng với mức điểm đánh giá kết quả hoạt động đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.</i></p> <p><i>Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định như sau: tương ứng với mỗi 01 điểm đánh giá đạt được (từ mức điểm cao hơn mức điểm 80), tổ chức khoa học và công nghệ công lập được bổ sung kinh phí bằng 0,5% số kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thuộc kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thời kỳ ổn định liền kề.</i></p> <p><i>Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định khi cơ quan có</i></p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
	<p><i>thẩm quyền công bố kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Việc lập và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước số kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập phù hợp với thời điểm lập và phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm. Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao tự chủ và được chuyển nguồn ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</i></p> <p><i>b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt từ 60-79 điểm: phân bổ tối đa bằng 100% kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thời kỳ ổn định liền kề.</i></p> <p><i>c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt dưới 60 điểm: phân bổ tối đa 90% kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thời kỳ ổn định liền kề.</i></p> <p><i>Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập vào năm tiếp theo. Nếu số điểm đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt được mức điểm quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập và phân bổ số kinh phí cố định và kinh phí bổ sung theo quy định điểm a khoản 2 và các điểm a và b khoản 3 Điều này với thời kỳ ổn định (05 năm) tiếp theo tương ứng. Nếu số điểm đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tiếp tục đạt dưới 60 điểm trong 03 lần đánh giá trong 03 năm liên tiếp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định.”</i></p> <p><i>Điều 49 và Phụ lục 3 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.</i></p>
<p>Điều 6. Phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập</p> <p>1. Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo</p>	<p>Điểm e khoản 3 Điều 63 Luật KH,CN&ĐMST quy định: “e) <i>Phần ngân sách nhà nước không phân bổ qua quỹ được giao dự toán trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</i>”; điểm d khoản 4 Điều 63 quy định: “d) <i>Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có quyền tự chủ, tự</i></p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>2. Việc quản lý sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11 và điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP.</p> <p>3. Việc quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>4. Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập sử dụng ngân sách nhà nước có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để bảo đảm hoàn thành các kết quả đầu ra theo dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, việc đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.</p>	<p><i>chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để bảo đảm hoàn thành các kết quả đầu ra cam kết theo dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm.”; khoản 6 Điều 63 quy định: “6. Quyết toán ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.”</i></p> <p>Điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định: “b) Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 63 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và thực hiện thanh toán, chi trả qua Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;”; khoản 5 Điều 7 quy định: “5. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”</p> <p>Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định: “1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chủ động sử dụng các nguồn tài chính gồm: kinh phí chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 4 (phần được sử dụng để chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền thù lao của viên chức và người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập) Điều 10 của Nghị định này để chi thường xuyên.</p> <p>2. Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và cam kết kết quả đầu ra và được quy định tại quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức.</p> <p>4. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:</p>

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
	<p>a) Đối với các nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn địa phương của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và khả năng tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định mức chi theo quy định trong Quy chế hoạt động nội bộ;</p> <p>b) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng mức chi phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị, quy định trong Quy chế hoạt động nội bộ. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.”</p> <p>Tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định: “1. Nguồn kinh phí chi tiền lương và thu nhập cho viên chức và người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm:</p> <p>a) Tiền lương và các khoản đóng góp có tính chất lương được ngân sách Nhà nước cấp hàng năm cho tổ chức;</p> <p>b) Kinh phí từ công lao động của viên chức, người lao động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức đó chủ trì;”</p>
<p>Điều 7. Tổ chức thực hiện Căn cứ quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công.</p>
<p>Điều 8. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.</p>	

Nội dung dự thảo	Thuyết minh nội dung
<p>3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết.</p>	
<p>Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm) 2026-2030 như sau:</p> <p>a) Đối với năm 2026 là năm đầu thời kỳ ổn định, việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo quy định tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;</p> <p>b) Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập hàng năm tiếp theo của thời kỳ ổn định (từ năm 2027 đến năm 2030) được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan.</p> <p>2. Đối với giai đoạn từ năm 2027 đến năm 2029, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được xác định bằng: Tổng số kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mở mới và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm trong 03 năm trước liền kề chia cho tổng số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mở mới và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới hàng năm trong 03 năm trước liền kề.</p>	<p>Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 và Bộ Khoa học và Công nghệ đã có hướng dẫn về kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>